ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Số: 1089/TB-ĐHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển sinh sau đại học đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ đợt 2 năm 2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà nội

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh sách các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo và các ngành đào tạo (đợt tháng 6 năm 2021) theo Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89);

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2458/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2459/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-ĐHQGHN ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu đại học chính quy, thạc sĩ chính quy, tiến sĩ năm 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 589/HD-ĐHQGHN ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành kèm theo Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2024 của ĐHQGHN;

Căn cứ Nghị Quyết số 2286/NQ-ĐHNN ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-ĐHNN ngày 21 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành cấu trúc thi Phỏng vấn tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ theo phương thức xét tuyển;

Trường Đại học Ngoại ngữ thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Kỳ thi tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2024, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN tổ chức **xét tuyển thẳng và xét tuyển** (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn) đào tạo trình độ thạc sĩ và **xét tuyển** hồ sơ chuyên môn đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành ngoại ngữ, thời gian cụ thể như sau:

Trình độ	Công việc	Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ	Thời gian
Thạc sĩ	Xét tuyển thẳng	***từ 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024***	Trước ngày **31/08/2024**
	Xét tuyển (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn)		**Đánh giá HS:** từ **25/8/2024 đến 30/8/2024** **Phỏng vấn: 14/09/2024**
Tiến sĩ	Tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn		từ ngày **14/09/2024 đến trước ngày 30/09/2024**

Chế độ thu học phí

Thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đều phải đóng *học phí* theo quy định của Nhà nước. Mức thu cụ thể sẽ được thông báo theo hướng dẫn thu học phí hàng năm của Trường Đại học Ngoại ngữ.

1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1.1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

1.2. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo **định hướng nghiên cứu** hoặc **định hướng ứng dụng** của các chuyên ngành sau:

Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh, Ngôn ngữ Nga, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga, Ngôn ngữ Pháp, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc.

1.2.1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

Thí sinh có hạng tốt nghiệp đại học **từ Khá trở lên** hoặc **có công bố khoa học** (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu) (Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu **có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.** Trong đó khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 **tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho các dự án, và chuyên đề nghiên cứu; 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn tốt nghiệp. Thời gian thực hiện luận văn tối thiểu 6 tháng.**

1.2.2. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

Thí sinh có hạng tốt nghiệp đại học Trung bình hoặc Trung bình Khá (Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng **có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, qui trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.** Trong đó khối lượng thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; **học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức làm đề án. Thời gian thực hiện đề án tối thiểu 6 tháng.**

1.3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: XÉT TUYỂN THẲNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ

1.3.1. Điều kiện xét tuyển thẳng

Thí sinh cần đáp ứng điều kiện sau và **lựa chọn một trong hai** chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, cụ thể:

a) Điều kiện xét tuyển thẳng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ đại học và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Tốt nghiệp đại học chính quy **ngành đúng hạng Khá trở lên** trong thời hạn **12 tháng** (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT sau đây của ĐHQGHN: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư); các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học; (danh sách các CTĐT xem tại Phụ lục 4);

+ Tốt nghiệp đại học chính quy **ngành đúng hạng Giỏi** trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của ĐHQGHN;

+ Tốt nghiệp đại học chính quy **ngành phù hợp hạng Giỏi** trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) của Trường ĐHNN, ĐHQGHN (Danh sách các ngành phù hợp ở bậc cử nhân trong xét tuyển thẳng xem tại Phụ lục 6 của Thông báo này), hoặc tốt nghiệp đại học **chính quy ngành đúng hạng Giỏi** trở lên trong **thời hạn 12 tháng** (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các **CTĐT ngoài ĐHQGHN đã kiểm định bởi các tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận** (các CTĐT này phải **còn thời hạn kiểm định tại thời điểm thí sinh đang học tập ở trình độ đại học**, thông tin các CTĐT đã kiểm định có thể xem tại trang thông tin của Bộ Giáo

dục và Đào tạo tại địa chỉ https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/Pages/khao-thi-va-kiem-%C4%91inh-chat-luong.aspx?ItemID=9469)

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học (xem quy định tại điểm b của mục này) có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng.

b) Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

c) Chỉ tiêu xét tuyển thẳng

Không giới hạn chỉ tiêu trong tổng chỉ tiêu được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt năm 2024.

d) Các điều kiện khác: Thí sinh cần có Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và có đủ sức khoẻ để học tập.

1.3.2. Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng: từ ngày 24/08/2024 đến ngày 31/08/2024

1.3.3. Thông báo kết quả trúng tuyển: Trước ngày 07/09/2024

1.4. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO THẠC SĨ

1.4.1. Điều kiện xét tuyển

Thí sinh cần **đáp ứng điều kiện** sau và lựa chọn **một trong hai loại hình chương trình đào tạo** định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng (**xem tại mục 1.2.1 và mục 1.2.2**), cụ thể:

a) Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên các hệ đào tạo **chính quy, vừa làm vừa học, bằng do nước ngoài cấp**) ngành **đúng, ngành phù hợp** với ngành đăng kí dự thi bậc đào tạo thạc sĩ;

- Đối với chương trình **định hướng nghiên cứu** yêu cầu hạng **tốt nghiệp từ Khá trở lên** hoặc **có công bố khoa học** (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Các đối tượng có **văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp** phải nộp kèm theo văn bản **công nhận của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo**. (**Chi tiết danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, xem tại Phụ lục 6 của Thông báo này**)

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

b) **Các điều kiện khác**: Thí sinh cần có Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và có đủ sức khoẻ để học tập.

1.4.2. Phương thức xét tuyển

- Đánh giá hồ sơ: Thí sinh đạt từ 50 điểm (thang điểm 100) trở lên vòng đánh giá hồ sơ sẽ tiếp tục vào vòng phỏng vấn.

- Phỏng vấn: Đánh giá chung về năng lực ngôn ngữ, động cơ và mục đích học tập; đánh giá kiến thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu của thí sinh (*Cấu trúc thi Phỏng vấn xem tại Phụ lục 7*). Điểm Phỏng vấn của thí sinh phải đạt từ 50 điểm (thang điểm 100) trở lên mới được xét trúng tuyển.

1.5. Điểm xét tuyển và điểm chuẩn xét tuyển:

- Điểm xét tuyển: Kết quả xét tuyển là điểm cộng của kết quả đánh giá hồ sơ (thang điểm 100) và kết quả Phỏng vấn (thang điểm 100). Kết quả sau đó sẽ được qui đổi sang thang điểm 10. Mức điểm tối thiểu để được xét trúng tuyển là 10.0 điểm.

- Điểm chuẩn: Được xác định căn cứ trên chỉ tiêu đào tạo được giao và bằng cách tính tổng điểm thi các môn của từng thí sinh từ cao nhất trở xuống cho từng ngành.

1.6. Chế độ thu học phí: Thí sinh trúng tuyển là học viên cao học (đào tạo thạc sĩ) phải đóng học phí theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023. Mức thu cụ thể sẽ được thông báo theo hướng dẫn thu học phí hàng năm của Trường Đại học Ngoại ngữ.

2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

2.1. Thời gian đào tạo:

- Đào tạo từ cử nhân: **04 năm**, theo hình thức chính quy tập trung
- Đào tạo từ thạc sĩ: **03 năm**, theo hình thức chính quy tập trung

2.2. Chuyên ngành đào tạo

+ Ngôn ngữ Anh, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh

+ Ngôn ngữ Nga, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga

+ Ngôn ngữ Pháp, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp

+ Ngôn ngữ Trung Quốc, Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc

***Lưu ý**: Tất cả các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT xem tại Phụ lục 5*

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.4. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành đúng, phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả **tối thiểu 01 bài báo** thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- **Có đề cương nghiên cứu chi tiết**, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có **thư giới thiệu** của ít nhất 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành tại ĐHQGHN) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh. (**Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 2 của Thông báo này**)

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Có **công văn cử đi dự tuyển** của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và **thâm niên công tác 24 tháng** tính đến ngày đăng ký dự tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ).

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021.

2.5. Điểm xét trúng tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ

Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển trình độ tiến sĩ phải có tổng điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu đạt điểm từ **60/100** điểm trở lên, trong đó điểm đề cương nghiên cứu tối thiểu phải đạt **25/40** điểm. Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng phải đạt tối thiểu **80/100** điểm.

2.6. Chế độ thu học phí

Thí sinh trúng tuyển là nghiên cứu sinh (đào tạo tiến sĩ) đều phải đóng *học phí* theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023. Mức thu cụ thể sẽ được thông báo theo hướng dẫn thu học phí hàng năm của Trường Đại học Ngoại ngữ.

3. XÉT TUYỂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Thí sinh người nước ngoài thực hiện việc xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành quy định về quản lý và thu hút sinh người nước ngoài học tập ở ĐHQGHN. Các yêu cầu về chuyên môn như khoản a) và b) mục 1.4 và 2.4. của thông báo này.

Thí sinh người nước ngoài trúng tuyển là học viên cao học/nghiên cứu sinh phải đóng học phí theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ (Dự kiến: 66.000.000 đồng/năm đối với học viên cao học và 85.000.000 đồng/năm đối với nghiên cứu sinh)

4. HỒ SƠ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO THẠC SĨ/ TIẾN SĨ

4.1. Thời gian phát hanh hồ sơ: ***từ 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024***

4.2. Địa điểm phát hành và nộp hồ sơ:

Văn phòng Khoa Sau đại học (Phòng 102 nhà A3 – Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

4.3. Đăng ký dự tuyển trực tuyến qua mạng và nộp bản cứng hồ sơ:

Thí sinh thực hiện việc đăng ký dự xét/dự tuyển qua 2 bước:

- Truy cập vào cổng đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ ***http://tssdh.vnu.edu.vn*** và thực hiện đăng ký dự xét/ dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Nộp bản cứng hồ sơ dự xét/dự tuyển trực tiếp tại Khoa Sau đại học – Trường ĐHNN – ĐHQGHN (các Danh mục hồ sơ dự xét/dự tuyển, xem tại mục 4.5).

4.4. Thời gian thí sinh thực hiện việc khai báo thông tin đăng ký trực tuyến và nộp bản cứng hồ sơ: ***từ 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024***

Lưu ý:

- Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo trên cổng đăng kí tuyển sinh trực tuyến. Thí sinh không nộp lệ phí và không nộp bản cứng hồ sơ tuyển sinh và sẽ không đủ điều kiện để dự xét/dự tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học.

*- Sau **17h00 ngày 23/08/2024** hệ thống tuyển sinh trực tuyến của ĐHQGHN sẽ đóng cổng tuyển sinh, thí sinh đã đăng ký đào tạo thạc sĩ không được phép chuyển đổi từ Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu sang Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng và ngược lại.*

4.5. NỘI DUNG HỒ SƠ: Hồ sơ dự xét/ dự tuyển cần có các giấy tờ sau:

TT	Hồ sơ dự xét/dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ	Hồ sơ dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ
1	Phiếu đăng ký xét tuyển/dự tuyển trình độ thạc sĩ (theo mẫu)	Đơn xin dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (theo mẫu)
2	Sơ yếu lý lịch (viết năm 2024 có xác nhận của nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú)	Sơ yếu lý lịch (viết năm 2024 có xác nhận của nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú)
3	Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học	Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học Bản sao công chứng Bằng thạc sĩ và Bảng điểm cao học
4		**Các giấy tờ pháp lý xác nhận về thâm niên nghề nghiệp**: bản sao công chứng quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn kèm theo hoặc công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan sử dụng nhân lực chứng nhận **thâm niên công tác 24 tháng** tính đến ngày đăng ký dự tuyển
5		Danh mục và bản sao các công trình khoa học đã được công bố bao gồm trang bìa và trang mục lục của tạp chí hoặc sách có chứa đầy đủ nội dung bài viết của tác giả
6		Lý lịch khoa học (viết năm 2024 có xác nhận của nơi làm việc hoặc chính quyền nơi cư trú)
7		Đề cương nghiên cứu
8		Thư giới thiệu của 2 nhà khoa học
10	Giấy chứng nhận sức khỏe do một bệnh viện đa khoa cấp (còn thời hạn trong vòng 12 tháng)	
11	**Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý** trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự xét/ dự tuyển là công chức, viên chức)	
12	02 phong bì có tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ, điện thoại người nhận thư	
13	02 ảnh 4 x 6 (có ghi tên và ngày tháng năm sinh, nơi sinh sau ảnh) để trong 1 phong bì ghi thông tin giống sau ảnh.	
14	Tất cả các giấy tờ trên cho vào túi hồ sơ khổ 28 x 32 (phát hành tại Khoa SĐH)	

***Ghi chú**: - Khoa Sau đại học **không hoàn trả** bản cứng hồ sơ đăng ký dự xét/dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ của thí sinh đã nộp.*

***Đối với bậc đào tạo trình độ tiến sĩ**, thí sinh là công chức/ viên chức thì **bắt buộc** nộp kèm hồ sơ dự tuyển **Công văn cử đi dự tuyển** và **Công văn cử đi học của cơ quan/ đơn vị quản lý trực tiếp** (nếu thí sinh trúng tuyển).*

5. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN/ DỰ TUYỂN

5.1. Thời hạn nộp lệ phí: ***Từ 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024***

5.2. Địa điểm nộp lệ phí: Phòng 202 nhà A1 – Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, đường Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Hoặc chuyển khoản:

Số tài khoản Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN **21510008969696 BIDV Cầu Giấy**

Nội dung (không dấu): **LP du thi SDH_Ho ten, Mã ĐKDT** (***mã ĐKDT được lấy tại phần thông tin chung của thí sinh đã đăng ký trên trang tuyển sinh*** sau đại học tại địa chỉ **http://tssdh.vnu.edu.vn** Ví dụ **Mã ĐKDT: 0349800** Tiêu đền thông tin chuyển khoản sẽ là: **LP du tuyen SDH Tran Van An 0349800**

5.3. Lệ phí:

- **Thạc sĩ: 420.000 đồng**
- **Tiến sĩ: 200.000 đồng/thí sinh.**

Lưu ý: ***Thí sinh nộp lệ phí trước khi nộp bản cứng hồ sơ tại Phòng 102A3, Khoa Sau đại học***

6. CÁC MỐC THỜI GIAN SAU TUYỂN SINH

6.1. Thời gian công bố kết quả xét tuyển thẳng Thạc sĩ: Trước 17h00 ngày **07/09/2024**

6.2. Thời gian công bố kết quả xét tuyển Thạc sĩ và Tiến sĩ: Trước 17h00 ngày **02/10/2024**

6.3. Thời gian khai giảng và nhập học (dự kiến): Ngày **08/11/2024**

Ghi chú: Trong quá trình đăng ký dự xét/ dự tuyển, nếu thí sinh có vướng mắc cần giải đáp vui lòng gọi đến số (024)-66806770.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, SĐH, N50.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Hà Lê Kim Anh

Phụ lục 1 - Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo sau đại học năm 2024
Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

1. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Chuyên ngành đào tạo	Tổng
1.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	3
2.	Ngôn ngữ Anh	5
3.	Ngôn ngữ Nga	2
4.	Ngôn ngữ Pháp	2
5.	Ngôn ngữ Trung Quốc	2
6.	Ngôn ngữ Nhật Bản	8
7.	Ngôn ngữ Đức	8
8.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	8
9.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	53
10.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga	2
11.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	2
12.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	5
Tổng số		**100**

Ghi chú: Chỉ tiêu trên đã bao gồm cả chỉ tiêu xét tuyển thẳng

2. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Chuyên ngành đào tạo	Tổng
1.	Ngôn ngữ Anh	6
2.	Ngôn ngữ Nga	1
3.	Ngôn ngữ Pháp	1
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc	2
5.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	6
6.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga	1
7.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	1
8.	Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	2
Tổng số		**20**

Ghi chú: Chỉ tiêu trên được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt căn cứ số lượng tuyển sinh năm 2023, khi số lượng đăng ký tuyển sinh vượt số chỉ tiêu của năm 2024, Trường Đại học Ngoại ngữ sẽ trình công văn bổ sung chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ lên Giám đốc ĐHQGHN.

Phụ lục 2 – Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh Danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn độc lập/ chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh

2.1. Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh: (*Trích khoản 1 của Điều 35 về Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ hướng dẫn của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 19 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội*)

a) Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 1, Điều 34 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 1, Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan.

- Người hướng dẫn có học vị tiến sĩ (chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư) thì phải có tối thiểu 01 năm (12 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

- **Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập** phải có chức **danh giáo sư hoặc phó giáo sư** hoặc có học vị tiến sĩ khoa học;

- Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên.

b) **Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh**, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn (không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ) phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn như sau: Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc **bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước** được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá **từ 0,75 điểm trở lên**, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; **các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);**

- Cán bộ cơ hữu có thể hiểu là: có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại đơn vị đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

c) Ngoài tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại điểm b như trên, tiến sĩ có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư nhưng có kết quả nghiên cứu xuất sắc (có tối thiểu 01 công bố khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/năm liên tục trong 3 năm gần nhất) có thể được ĐHQGHN xem xét cho phép làm hướng dẫn chính hoặc hướng dẫn độc tối đa 3 nghiên cứu sinh.

2.2. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn độc lập/ chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh (Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gợi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể căn cứ các Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại mục 3.1. ở trên để mời cán bộ khoa học khác làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ) cho mình)

2.2.1. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	Phân tích diễn ngôn Phân tích diễn ngôn phê phán	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương PGS.TS. Phan Văn Quế PGS.TS. Vũ Ngọc Tú PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật PGS.TS. Phạm Thị Hồng Nhung PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
2	Giao tiếp giao văn hóa	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng PGS.TS. Nguyễn Văn Trào PGS.TS. Trần Xuân Điệp	1 - 3
3	Ngữ pháp chức năng	GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương PGS.TS. Trần Văn Phước	1 - 3
4	Nghiên cứu dịch thuật	PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Lâm Quang Đông GS.TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
5	Ngữ nghĩa học	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Võ Đại Quang GS.TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
6	Văn học Ngôn ngữ văn học	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Phan Văn Quế PGS.TS. Nguyễn Xuân Thơm	1 - 3
7	Ngôn ngữ học tri nhận	PGS.TS. Nguyễn Văn Trào PGS.TS. Ngô Xuân Phương PGS.TS. Nguyễn Hữu Độ PGS.TS. Trần Văn Phước PGS.TS. Lâm Quang Đông	1 - 3
8	Tiếng Anh toàn cầu	GS.TS. Nguyễn Hòa GS.TS. Hoàng Văn Vân GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
9	Dụng học Dụng học giao văn hóa	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Ngô Hữu Hoàng PGS.TS. Kiều Thị Thu Hương	1 - 3
10	So sánh đối chiếu các ngôn ngữ	GS.TS. Nguyễn Quang PGS.TS. Võ Đại Quang PGS.TS. Nguyễn Văn Độ	1 - 3

2.2.2. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	**Những vấn đề liên quan đến người học:** - Phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực làm việc của người học trong môi trường xã hội đa dạng, nhằm đạt được mục đích cá nhân và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa - Việc hình thành căn tính của người học trong quá trình học ngoại ngữ - Tác động của khát vọng học tiếng Anh tới kết quả học tập - Các yếu tố xã hội-nhận thức tác động đến động lực học của học sinh	PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
2	**Những vấn đề liên quan đến phát triển nghiệp vụ của giáo viên:** - Vai trò của việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đến phương pháp giảng dạy của họ - Những phương pháp phát triển năng lực nghiệp vụ do giáo viên tự xây dựng - Vai trò của sự hỗ trợ từ cộng đồng học tập đối với việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh / năng lực chuyên môn của giáo viên không phải người bản ngữ - Vai trò của giảng dạy có suy tư (chiêm nghiệm) đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên - Việc kiến tạo, tái kiến tạo căn tính nghề nghiệp của giáo viên - Tác động của việc tham gia nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên	GS.TS. Nguyễn Hòa PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
3	**Những vấn đề liên quan đến chính sách ngôn ngữ:** - Tác động của chính sách ngôn ngữ và việc thực thi chính sách đó đối với phương pháp dạy học trên lớp của giáo viên - Những thách thức trong việc thực thi chủ trương dạy học theo chuẩn năng lực - Tác động của chính sách sử dụng tiếng Anh để dạy các môn khoa học đối với kết quả học tập của học sinh	GS.TS. Nguyễn Hòa GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
4	**Những vấn đề liên quan đến sử dụng công nghệ trong dạy học:** - Những chiến lược học sinh và giáo viên dùng để sử dụng công nghệ nhằm tiếp cận với ngôn ngữ tự nhiên - Những chiến lược giáo viên sử dụng công nghệ để phát triển nghiệp vụ và hiệu quả của những chiến lược đó - Sử dụng công nghệ để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh - Vai trò của công nghệ (ví dụ Google docs, blogging, v,v,) trong việc khuyến khích việc tự đánh giá đồng đẳng trong học sinh - Tác động của việc kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học có sử dụng công nghệ đối với việc hình thành năng lực học độc lập	GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
5	**Những vấn đề liên quan đến dạy học liên văn hóa:** - Niềm tin và thực tế giảng dạy của giáo viên về đường hướng dạy ngoại ngữ liên văn hóa	GS.TS. Nguyễn Quang GS.TS. Hoàng Văn Vân PGS.TS. Lê Văn Canh	1 - 3

	- Vai trò của văn hóa quần chúng trong việc thúc đẩy học ngoại ngữ - Phát triển các kỹ năng của thế kỷ 21 cho người học qua giáo dục ngoại ngữ	PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS.TS. Nguyễn Văn Trào	
6	**Những vấn đề liên quan đến thực tế giảng dạy trên lớp của giáo viên:** - Phương pháp nhận xét phản hồi của giáo viên đối với kết quả học tập của học sinh - Những đường hướng nhận xét sửa lỗi cho học sinh theo lý thuyết tri nhận - xã hội - Niềm tin và thực tế thực hiện về việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong giờ học - Tác động của việc dạy các ngữ cố định đối với kết quả học tập của học sinh - Lồng ghép mục tiêu giáo dục công dân toàn cầu vào giờ học tiếng Anh - Thực hiện phương pháp sư phạm phản biện xã hội trong lớp học ngoại ngữ - Những cải tiến về phương pháp giáo viên sử dụng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ/ từ vựng/ngữ pháp cho học sinh	PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Võ Đại Quang PGS.TS. Ngô Đình Phương PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
7	**Những vấn đề liên quan đế tư liệu giảng dạy/ sách giáo khoa:** - Đánh giá sách giáo khoa theo lý thuyết phương pháp sư phạm phản biện xã hội - Đánh giá sách giáo khoa theo lý thuyết liên văn hóa - Niềm tin của giáo viên về vai trò của sách giáo khoa và thực tế sử dụng sách giáo khoa trong lớp học	PGS.TS. Lê Văn Canh PGS.TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3

2.2.3. Chuyên ngành Ngôn ngữ Nga

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	**Thành ngữ:** - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến các phần riêng biệt của cơ thể người từ góc độ của người nói tiếng Việt. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến việc cảm nhận hiện thực khách quan của người Nga. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến hoạt động của con người dưới góc độ đối chiếu với tiếng Việt.	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Vũ Thị Chín	1 - 3
2	**Từ vựng học:** - Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của các nhóm từ vựng ngữ nghĩa trong các lĩnh vực khác nhau như: A. Thương mại B. Hợp đồng C. Quân sự D. Lễ hội, tập tục, truyền thống E. Biểu hiện tên gọi địa lí, tên người Nga, màu sắc, các hiện tượng thiên nhiên	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Trần Quang Bình	1 - 3
3	**Các quan hệ ngữ nghĩa:** - Quan hệ không gian trong tiếng Nga - Quan hệ tính ngữ trong tiếng Nga - Quan hệ đối lập trong tiếng Nga - Quan hệ nhượng bộ trong tiếng Nga	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh	1 - 3
4	**Cú pháp:** - Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa và đối chiếu các loại câu khác nhau của 2 ngôn ngữ Nga Việt, ví dụ như câu vô nhân xưng, câu nhân xưng khái quát, câu cầu khiến. - Liên từ và chữ liên từ dùng trong các cấu trúc câu khác nhau với các sắc thái ngữ nghĩa khác nhau.	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh	1 - 3

2.2.4. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	Nghiên cứu việc xây dựng (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy - học một (hoặc hơn một) kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) phù hợp điều kiện của cơ sở đào tạo dựa trên một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Vũ Ngọc Vinh	1 - 3
2	Xây dựng giáo trình cho một khóa học kèm theo phương pháp, thủ pháp dạy - học cho một đối tượng người học cụ thể.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Phạm Kim Ninh	1 - 3
3	Xây dựng tài liệu bổ trợ cho một kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) theo một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS.TS. Lưu Bá Minh GS.TS. Đỗ Đình Tống	1 - 3

4	Xây dựng mới (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy-học một (hoặc hơn một) bình diện kiến thức (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Đất nước học) tiếng Nga cho một giai đoạn dạy-học cụ thể với đối tượng người Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh GS.TS. Đỗ Đình Tống	1 - 3
5	Khảo sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đề xuất áp dụng hệ phương pháp, thủ pháp mới để cải tiến, nâng cao hiệu quả của một khóa học tiếng Nga.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Lưu Bá Minh	1 - 3
6	Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích những quan điểm dạy học ngoại ngữ phổ quát và hiện đại để đề xuất mới cơ sở lý luận cho một phương pháp dạy học tiếng Nga phù hợp điều kiện của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập sâu.	PGS.TS. Nguyễn Văn Tư PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Trần Quang Bình	1 - 3
7	Các yếu tố đất nước học, văn hóa, xã hội, nghệ thuật và vai trò hình thành năng lực tiếng cho người Việt trong quá trình dạy học tiếng Nga.	PGS.TS. Nguyễn Quý Mão PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3
8	Sử dụng phương tiện kỹ thuật, các phương tiện dạy học khác nhau để hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Nga.	PGS.TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS.TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 - 3
9	Nghiên cứu các hình thức và cách tiến hành các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài chương trình khóa học để hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga.	PGS.TS. Lưu Bá Minh PGS.TS. Vũ Ngọc Vinh PGS.TS. Nguyễn Văn Tư PGS.TS. Phạm Kim Ninh	1 - 3

2.2.5. Chuyên ngành Ngôn ngữ Pháp

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	**Lĩnh vực ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa:** Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ như phát âm, ngữ điệu, các loại từ, các hiện tượng ngữ pháp, các hiện tượng ngữ nghĩa	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Vũ Xuân Đoàn PGS.TS. Đường Công Minh PGS.TS. Nguyễn Vân Dung PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	1 - 3
2	**Lĩnh vực ngữ dụng:** Nghiên cứu so sánh đối, chiếu các hành động ngôn ngữ, các kịch bản giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân, các phương thức lịch sự...	PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Nguyễn Vân Dung PGS.TS. Nguyễn Lân Trung	1 - 3
3	**Giao tiếp liên văn hóa:** Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng văn hóa, các biến thể văn hóa, các phương pháp phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Nguyễn Thị Bình PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Trịnh Văn Minh	1 - 3
4	**Dịch thuật:** Nghiên cứu các loại hình dịch thuật, so sánh các văn bản dịch với bản gốc, các thủ thuật ngôn ngữ trong	PGS.TS. Đinh Hồng Vân PGS.TS. Trịnh Đức Thái PGS.TS. Trần Đình Bình	1 - 3

	dịch thuật	GS.TS. Vũ Văn Đại	
5	**Văn học, văn hóa:** Nghiên cứu các phương thức, thủ thuật ngôn ngữ trong quá trình xây dựng văn bản văn học, xây dựng nhân vật	PGS.TS. Nguyễn Vân Dung PGS.TS. Nguyễn Thị Bình GS.TS. Vũ Văn Đại	1 - 3

2.2.6. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	Nghiên cứu cơ bản các khái niệm và lĩnh vực có liên quan đến việc dạy - học tiếng Pháp	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh	1 - 3
2	Những thành tố của Quan điểm hành động trong Giáo học pháp ngoại ngữ hiện nay	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	1 - 3
3	Lý thuyết thụ đắc Ngôn ngữ và Phương pháp dạy và học tiếng Pháp cho đối tượng đặc thù (trẻ em, người lớn tuổi...)	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3
4	Đa ngữ (plurilinguisme) và vấn đề dạy – học ngoại ngữ thứ 2	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3
6	Lý thuyết các ngành khoa học liên ngành và việc dạy – học các hành động ngôn từ	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3
7	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ dưới ánh sáng của các lý thuyết mới	PGS.TS. Nguyễn Lân Trung PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn PGS.TS. Trần Đình Bình PGS.TS. Trịnh Văn Minh PGS.TS. Đường Công Minh	1 - 3

2.2.7. Chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	Nghiên cứu từ ngữ mới trong tiếng Hán với bối cảnh văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền	1 - 3
2	Nghiên cứu cách sử dụng kính ngữ trong các văn bản giao dịch kinh tế, ngoại giao...	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
3	Nghiên cứu đối chiếu cách dùng từ ngữ giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền	1 - 3
4	Nghiên cứu đối chiếu các nhóm hư từ đồng nghĩa giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền	1 - 3
5	Nghiên cứu đối chiếu cách biểu đạt phạm trù không gian, thời gian giữa tiếng Hán và tiếng Việt	GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
6	Nghiên cứu đối chiếu các từ ngữ văn hoá biểu đạt cùng một phạm trù giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền	1 - 3
7	Nghiên cứu đối chiếu các thể thức giao tiếp giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS.TS. Cầm Tú Tài GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
8	Nghiên cứu đánh giá về các vấn đề dùng từ, chuyển đổi kết cấu trong các bản dịch song ngữ Hán - Việt	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
9	Phân tích, đánh giá và bổ sung nội dung vào các từ điển song ngữ Hán - Việt	GS.TS. Nguyễn Văn Khang PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền	1 - 3
10	Vận dụng các kết quả đối chiếu ngôn ngữ Hán Việt trong thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Hán cho người Việt Nam	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1- 3

2.2.8. Chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc

TT	*Hướng nghiên cứu*	*Giảng viên có thể hướng dẫn*	*Số NCS có thể nhận*
1	Nghiên cứu phương pháp giảng các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết (với những đối tượng cụ thể)	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
2	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy các môn Lí thuyết (Đất nước học, Văn học, Lý thuyết tiếng, tiếng Hán chuyên ngành...)	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
3	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán (với những đối tương cụ thể)	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
4	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy dịch gồm Hán - Việt, Việt - Hán; dạy dịch nói, dạy dịch viết từng/ các giai đoạn	PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
5	Nghiên cứu lỗi sai của học sinh (sinh viên) từng cấp và từng hình thức đào tạo về Từ vựng, Ngữ pháp, chữ Hán	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
6	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp giáo trình; thiết kế giáo trình; sử dụng giáo trình các cấp học, các giai đoạn	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
7	Nghiên cứu sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học các kỹ năng và các môn lý thuyết.	PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
8	Nghiên cứu phương pháp tạo hứng thú trong học tập tiếng Hán của học sinh (sinh viên) với một hoặc một số kỹ năng và từng môn lý thuyết (Nhất là những môn xưa nay được coi là khô khan, khó gây hứng thú).	PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3
9	Nghiên cứu thực trạng sử dụng tiếng Trung Quốc của học sinh, sinh viên Việt Nam (có thể chọn trong giao tiếp nói, viết. dịch...) và giải pháp đề xuất nâng cao chất lượng.	PGS.TS. Cầm Tú Tài PGS.TS. Phạm Ngọc Hàm PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS.TS. Hà Lê Kim Anh	1 - 3

2.3. Danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn phụ) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh
(Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gợi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể căn cứ các **Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại mục 2.1. ở trên** để mời cán bộ khoa học khác làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ) cho mình)

2.3.1. Tiếng Anh

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh
1	Đỗ Tuấn Minh	7	Nguyễn Thị Minh Tâm
2	Lâm Thị Hoà Bình	8	Phùng Hà Thanh
3	Hoàng Thị Hạnh	9	Lại Thị Phương Thảo
4	Phạm Thị Hạnh	10	Huỳnh Anh Tuấn
5	Đỗ Minh Hoàng		
6	Hoàng Trà My		

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh
1	Trần Thị Lan Anh	16	Mai Ngọc Khôi
2	Phạm Lan Anh	17	Nguyễn Huy Kỷ
3	Nguyễn Thị Chi	18	Mai Thị Loan
4	Nguyễn Chí Đức	19	Nguyễn Văn Long
5	Lê Thị Hồng Duyên	20	Dương Thu Mai
6	Vũ Hải Hà	21	Vũ Thị Thanh Nhã
7	Nguyễn Thu Lệ Hằng	22	Trần Thanh Nhàn
8	Nguyễn Thu Hiền	23	Trần Thị Thanh Phúc
9	Trần Thị Thu Hiền	24	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
10	Hoàng Thị Xuân Hoa	25	Đặng Ngọc Sinh
11	Tạ Thị Thanh Hoa	26	Nguyễn Thị Thơm Thơm
12	Lê Hương Hoa	27	Nguyễn Thị Bích Thủy
13	Cao Thuý Hồng	28	Nguyễn Thị Minh Trâm
14	Nguyễn Việt Hùng	29	Nguyễn Thị Quỳnh Yến
15	Nguyễn Thị Hương		

2.3.2. Tiếng Nga

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn tiếng Nga	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Nga
1	Tô Thị Ngân Anh	1	Trịnh Thị Phan Anh
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	2	Nguyễn Mạnh Hải
3	Phạm Dương Hồng Ngọc	3	Đinh Thị Thu Huyền
4	Lê Hồng Thắng		
5	Ngô Thị Minh Thu		
6	Nguyễn Thị Thương		
7	Khuông Thị Thu Trang		

2.3.3. Tiếng Pháp

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Pháp
1	Lưu Thị Kim Anh	1	Đỗ Lan Anh
2	Đặng Thùy Dương	2	Nguyễn Thanh Hoa
3	Đặng Kim Hoa	3	Bùi Thị Ngọc Lan
4	Trần Phùng Kim	4	Đàm Minh Thuỷ
5	Lê Thị Phương Lan	5	Đỗ Thanh Thuỷ
6	Nguyễn Việt Quang		
7	Đặng Thị Thanh Thuý		
8	Đỗ Thị Bích Thuỷ		

2.3.4. Tiếng Trung Quốc

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Trung	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Trung
1	Nguyễn Thị Lê Dung	1	Nguyễn Ngọc Anh
2	Trần Linh Hương Giang	2	Nguyễn Thị Hương Giang
3	Trịnh Thanh Hà	3	Nguyễn Thị Thu Hà
4	Võ Thị Minh Hà	4	Đinh Văn Hậu
5	Nguyễn Thu Hằng	5	Đỗ Thị Thanh Huyền
6	Nguyễn Thị Hảo	6	Nguyễn Thị Minh
7	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	7	Bùi Thị Thuý Phương
8	Đinh Thu Hoài	8	Nguyễn Thị Lệ Quyên
9	Phạm Thuý Hồng	9	Nguyễn Anh Thục
10	Nguyễn Quang Hưng	10	Phạm Minh Tiến
11	Phạm Thị Thu Hường	11	Lê Thị Huyền Trang
12	Lê Xuân Khai	12	Phạm Đức Trung
13	Đỗ Thu Lan	13	Nguyễn Đại Cồ Việt
14	Trần Thị Kim Loan	14	Vũ Thanh Xuân
15	Nguyễn Thị Luyện		
16	Phạm Văn Minh		
17	Bùi Thị Hằng Nga		
18	Cao Như Nguyệt		
19	Ngô Minh Nguyệt		
20	Nguyễn Thị Phượng		
21	Hoa Ngọc Sơn		
22	Hoàng Thị Băng Tâm		
23	Đinh Thị Hồng Thu		

Phụ lục 3 – Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự xét/dự tuyển

3.1. Bậc thạc sĩ

TT	Chuyên ngành dự xét/tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
1.	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh	
2.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh	
3.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	
4.	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga	Sư phạm tiếng Nga	
5.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Nga	Sư phạm tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	
6.	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	
7.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	
8.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc	Đông Phương học (Chuyên ngành Trung Quốc học)
9.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung	Sư phạm tiếng Trung	Ngôn ngữ Trung Quốc	
10.	Ngôn ngữ Đức	Ngôn ngữ Đức	Sư phạm tiếng Đức	
11.	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Sư phạm tiếng Nhật	Nhật Bản học; Đông Phương học (Chuyên ngành Nhật Bản học)
12.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Sư phạm tiếng Hàn; Hàn Quốc học	Đông Phương học (Chuyên ngành Hàn Quốc học, Châu Á học); Quốc tế học; NN&VH Việt Nam; NN&VH các nước khác; Sư phạm ngữ văn; Sư phạm các ngoại ngữ khác. ***Thí sinh cần nộp kèm chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Hàn bậc 5/6 trở lên)***

3.2. Bậc tiến sĩ

TT	Chuyên ngành dự tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh
2	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
3	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga	Sư phạm tiếng Nga
4	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga	Sư phạm tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga
5	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Sư phạm tiếng Pháp
6	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp
7	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc
8	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc

Phụ lục 4 – Danh sách các chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

1. Các CTĐT tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ) của ĐHQGHN

STT	Chương trình đào tạo	Đơn vị đào tạo
Chương trình đào tạo chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)		
1.	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Ngoại ngữ
2.	Sư phạm Tiếng Pháp	
3.	Ngôn ngữ Anh	
4.	Ngôn ngữ Pháp	
5.	Ngôn ngữ Trung Quốc	
6.	Ngôn ngữ Nhật	

Danh sách gồm 06 CTĐT.

2. Các CTĐT đã được kiểm định (còn thời hạn) của ĐHQGHN

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
Trường Đại học Ngoại ngữ			
1.	Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019 (có giá trị đến 11/1/2025)

Danh sách gồm 01 CTĐT./.

Phụ lục 5 – Danh sách các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 1835/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên cơ sở đào tạo	Tên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Mã số
1	**Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN**	Ngôn ngữ Anh	9220201
2		Ngôn ngữ Pháp	9220203
3		Ngôn ngữ Trung Quốc	9220204
4		Lí luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc	9140111

Phụ lục 6 – Danh sách các ngành phù hợp ở bậc Cử nhân trong xét tuyển thẳng

TT	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân trong xét tuyển thẳng	Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp
1.	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
2.	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng Tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng Tiếng Anh
3.	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
4.	Sư phạm Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga
5.	Ngôn ngữ Nga	Sư phạm Tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga
6.	Sư phạm Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp
7.	Ngôn ngữ Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp
8.	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc
9.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Sư phạm Tiếng Trung Quốc

Phụ lục 7: Cấu trúc thi phỏng vấn tuyển sinh đào tạo thạc sĩ theo phương thức xét tuyển

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1084/ QĐ-ĐHNN ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

- *Thời gian phỏng vấn:* 12 phút/1 thí sinh
- *Hình thức:* 2GK/1 thí sinh
- *Ngôn ngữ phỏng vấn:* Ngôn ngữ thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành đào tạo
- *Số phần:* 2
- *Thang điểm đánh giá:* 100
- *Mục đích:* Đánh giá chung về năng lực ngôn ngữ, động cơ và mục đích học tập; đánh giá kiến thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu của thí sinh.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

PHẦN 1: 50 ĐIỂM

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ, ĐỘNG CƠ VÀ MỤC ĐÍCH HỌC TẬP

Thời gian: 5 phút

Nội dung phỏng vấn: GK căn cứ vào đề cương và Hướng dẫn chấm do HĐTS ban hành để phỏng vấn thí sinh. Tùy vào thời gian và phần trả lời của thí sinh, giám khảo có thể chọn tất cả/một số ý trong các nội dung trong đề cương để phỏng vấn thí sinh.

- Phỏng vấn thông tin cá nhân thí sinh (Họ tên, quê quán, đơn vị công tác,...)
- Lý do thí sinh lựa chọn Trường Đại học Ngoại ngữ là địa chỉ học tập bậc thạc sĩ.
- Lý do thí sinh đăng ký theo học bậc thạc sĩ theo chuyên ngành đăng ký.
- Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình công tác tại các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dự tuyển.
- Kiến thức/kĩ năng thí sinh đã được trang bị để chuẩn bị cho quá trình học tập ở bậc thạc sĩ.
- Kiến thức, kĩ năng thí sinh mong muốn được trang bị trong quá trình tham gia học tập và nghiên cứu liên quan đến định hướng nghề nghiệp của thí sinh.
- Kế hoạch học tập của thí sinh dự kiến trong thời gian đào tạo để hoàn thành chương trình học tập đúng hạn (việc sắp xếp thời gian học tập phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường, khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn đúng hạn…)

PHẦN 2: 50 ĐIỂM

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VÀ NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU

Thời gian: 7 phút

Nội dung phỏng vấn: GK căn cứ vào Đề cương và Hướng dẫn chấm do HĐTS ban hành để phỏng vấn thí sinh. Tùy vào thời gian và phần trả lời của thí sinh, giám khảo có thể chọn tất cả/một số ý trong các nội dung trong đề cương để phỏng vấn thí sinh.

Đánh giá kiến thức chuyên môn:

- Hiểu biết kiến thức cơ bản trong lĩnh vực dự tuyển (kiến thức ngành/chuyên ngành đào tạo).
- Sự tìm hiểu của thí sinh về nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành đăng ký.
- Đánh giá khả năng nhận diện, phân tích vấn đề, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy logic, khả năng thuyết trình và phản biện của thí sinh.
- Kiến thức, kỹ năng về chuyên ngành thí sinh mong muốn được trang bị trong quá trình học tập và định hướng nghề nghiệp của thí sinh.
- Các kiến thức mở rộng mang tính thời sự, xu hướng phát triển, tương lai phát triển của chuyên ngành mà thí sinh đăng kí dự tuyển.

Đánh giá năng lực nghiên cứu:

- Định hướng nghiên cứu mong muốn được thực hiện trong thời gian học tập bậc thạc sĩ.
- Các hiểu biết cơ bản liên quan đến định hướng nghiên cứu dự định thực hiện.
- Khả năng nghiên cứu độc lập, các ưu điểm, tố chất cần bồi đắp thêm trong quá trình học tập của thí sinh.